

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 214/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2023

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Phúc

2. Ông Võ Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2432/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8714/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1996 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lý Minh N, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Số 25/11 Đường số 25, khu phố 2, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lý Minh N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109/2014, quyền số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó giữa bà D và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, bế tắc. Mặc dù, các bên đã nhiều lần cố gắng hoà giải, đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, các bên không còn tìm được tiếng nói chung. Bà D và ông N đã ly thân với nhau được 05 năm, không ai quan tâm ai, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống của mình, tình cảm của bà với ông N cũng đã hết, do đó bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N.

Trong quá trình chung sống, bà D và ông N có 01 (một) con chung là trẻ Lý Minh T, giới tính: Nam, sinh ngày 02/6/2015, hiện nay đang ở với ông Nghĩa, bà D yêu cầu giao trẻ Lý Minh T cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ Lý Minh T mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, thực hiện kể từ ngày 15/03/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định không có tài sản chung.

Phía bị đơn ông Lý Minh Nghĩa đã được Tòa án thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

Tòa án tiến hành lấy lời khai và trẻ Lý Minh Tí có trình bày nguyện vọng muốn ở với ông Lý Minh Na.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lý Minh N, giao con chung là Lý Minh T, giới tính: Nam, sinh ngày 02/6/2015 cho ông Lý Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Diễm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Lý Minh T mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, thực hiện kể từ ngày 15/03/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung và nợ chung bà D trình bày không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lý Minh N.

Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lý Minh N có nơi cư trú tại Thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lý Minh N đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lý Minh N. Đối với việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Diễm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lý Minh N đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2014, quyển số 01/2014 ngày 12/12/2014. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Thủ Đức về hoàn cảnh gia đình cũng như mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D, ông N. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Thủ Đức trả lời không rõ về các thông tin này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã giải thích, động viên bà Nguyễn Thị Ngọc D bỏ qua mọi mâu thuẫn để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dạy con cái nhưng bà D không đồng ý quay về đoàn tụ mà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc, yêu thương, tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cho đến nay vẫn chưa tìm được tiếng nói chung. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông N là trầm trọng, tình

cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm yêu cầu xin được ly hôn với ông Lý Minh N là có cơ sở để chấp nhận.

3.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và Giấy khai sinh số 71/2015, quyền số 01/2015, đăng ký ngày 12/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 (một) con chung là trẻ Lý Minh T, sinh ngày 02/6/2015. Xét thấy, con chung hiện nay còn nhỏ, đang sinh sống học tập ổn định với ông N, con chung cũng có nguyện vọng ở với ông N và giữa bà, ông N không có thỏa thuận khác. Do đó, xét quyền lợi về mọi mặt của trẻ và căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho ông Lý Minh N trực tiếp nuôi trẻ Lý Minh T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ Lý Minh T mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, thực hiện kể từ ngày 15/03/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét sự tự nguyện nêu trên của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của nguyên đơn.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung:

Do bà D xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Ông N không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà D, ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D ly hôn với ông Lý Minh N.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lý Minh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2014, quyển số 01/2014 ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Lý Minh T, giới tính: Nam, sinh ngày 02/6/2015 cho ông Lý Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi trẻ Lý Minh T mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện kể từ ngày 15/03/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0006109 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà D đã nộp đủ án phí, ông N không phải nộp án phí.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Lý Minh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi Cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND P. Cát Lái, TP. Thủ Đức;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Trung Thực